

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 247/2025/QH15

NGHỊ QUYẾT

Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 130/2024/QH15 ngày 08 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2025 và Nghị quyết số 131/2024/QH15 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường kể từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành”;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 756/BC-ĐGS ngày 26 tháng 10 năm 2025 của Đoàn giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường kể từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành” và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đánh giá việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường kể từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực

Quốc hội cơ bản tán thành nội dung Báo cáo số 756/BC-ĐGS ngày 26 tháng 10 năm 2025 của Đoàn giám sát của Quốc hội về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường kể từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành với những kết quả đạt được, hạn chế, bất cập và nguyên nhân chủ yếu sau đây:

1. Việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường kể từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành đã đạt được nhiều kết quả tích cực, quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, an sinh xã hội và hội nhập quốc tế. Một số kết quả nổi bật là: (a) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã ban hành hơn 500 văn bản hướng dẫn và triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường, trong đó Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành đã ban hành hơn 30 văn bản, qua đó đã cơ bản thể chế và cụ thể hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng

phó với biến đổi khí hậu, quán triệt nguyên tắc: Phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm để phát triển bền vững; chuyển mạnh sang cơ chế quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế với sự tham gia của toàn xã hội. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của hệ thống pháp luật; **(b)** ngân sách nhà nước chỉ cho sự nghiệp môi trường được quan tâm (năm 2024, đạt 1,12% tổng chi ngân sách nhà nước), công tác bảo vệ môi trường đã có nhiều chuyển biến, đạt và vượt nhiều mục tiêu, chỉ tiêu quan trọng đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng như tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung, tỷ lệ che phủ rừng; chỉ số phát triển bền vững của Việt Nam tăng, trong nhóm dẫn đầu ASEAN; **(c)** các nguồn thải lớn đã được kiểm soát chủ động và chặt chẽ, không để xảy ra sự cố môi trường lớn; đã xuất hiện nhiều mô hình đô thị, nông thôn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất sinh thái, thân thiện với môi trường; **(d)** công tác quản lý chất thải có nhiều chuyển biến, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tăng dần qua các năm, đến nay đạt 97,28% ở đô thị, 80,5% ở nông thôn, giảm hình thức chôn lấp; việc tái chế, tái sử dụng, tận dụng giá trị tài nguyên từ chất thải được tăng cường thông qua các hình thức như đồng xử lý chất thải trong lò nung xi măng, tận dụng nhiệt dư từ đốt rác, sản xuất xi măng để phát điện; đã giảm mạnh lượng tồn đọng tro, xỉ, thạch cao phát sinh từ các nhà máy nhiệt điện, phân bón, hóa chất thông qua đẩy mạnh tái chế, tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất; **(đ)** tốc độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường đã được ngăn chặn, chất lượng môi trường từng bước cải thiện, đặc biệt là chất lượng môi trường đất, môi trường nước mặt một số lưu vực sông chính, nước biển ven bờ, nước dưới đất; **(e)** công tác ứng phó với biến đổi khí hậu có chuyển biến tích cực; khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội được nâng cao, khởi tạo sinh kế bền vững; kiểm kê khí nhà kính tại các doanh nghiệp đã được triển khai thực hiện; việc chuyển đổi xanh trong các ngành, lĩnh vực hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 được thúc đẩy mạnh mẽ; hành lang pháp lý về phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam đã và đang được hình thành; **(g)** các mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững như kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế số... đang được thúc đẩy; nhiều mô hình công nghệ tiên tiến về tái chế và xử lý chất thải đã được ứng dụng, nhân rộng và phổ biến.

2. Bên cạnh kết quả đạt được, việc quy định chi tiết và tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường còn một số hạn chế, bất cập. Cụ thể như: **(a)** tình trạng ô nhiễm môi trường còn xảy ra ở một số nơi, có thời điểm ở mức độ nghiêm trọng, đặc biệt là ô nhiễm không khí (do bụi mịn) tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; chất lượng môi trường một số đoạn sông tập trung tại khu vực đông dân cư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề trên lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy, hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải chậm được cải thiện; **(b)** hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường, nhất là trong thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải còn thiếu và lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu (hiện nay tỷ lệ cụm công nghiệp, làng nghề có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn còn thấp

(31,5% và 16,6%); chỉ có khoảng 18% tổng lượng nước thải đô thị được thu gom, xử lý; tỷ lệ chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt tuy đã giảm nhưng vẫn chiếm tỷ lệ cao (58,85%); còn 38/435 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chưa hoàn thành xử lý triệt để, trong đó chủ yếu là các bãi chôn lấp rác thải); **(c)** việc tuần hoàn, tái sử dụng nước thải, tái chế một số loại chất thải rắn công nghiệp vẫn còn hạn chế; một số loại chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình chưa được thu gom, xử lý riêng mà lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt; tại một số địa phương, cơ sở y tế gặp khó khăn trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại; việc nhập khẩu trái phép công nghệ cũ vẫn chưa được kiểm soát, ngăn chặn triệt để; **(d)** một số mục tiêu chính sách của Luật Bảo vệ môi trường thể hiện trong các pháp luật khác có liên quan chưa đạt hiệu quả mong muốn như: mục tiêu thúc đẩy thay đổi hành vi, thói quen tiêu dùng thông qua pháp luật về thuế, phí về bảo vệ môi trường; mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để thúc đẩy các dự án về bảo vệ môi trường thông qua pháp luật về ngân sách nhà nước; mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ tư vấn lập hồ sơ về môi trường thông qua việc quy định về điều kiện kinh doanh trong pháp luật về đầu tư; **(đ)** tình trạng đơn thư khiếu nại, tố cáo về môi trường, tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn xảy ra tại một số địa phương, có vụ việc diễn biến phức tạp, gây mất trật tự an toàn xã hội.

3. Những hạn chế, bất cập nêu trên do nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân khách quan bao gồm: **(a)** tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 và biến động kinh tế; **(b)** sự gia tăng dân số và quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ; **(c)** biến đổi khí hậu và thiên tai diễn biến phức tạp và cực đoan; **(d)** tác động từ quá trình hội nhập, toàn cầu hóa, các vấn đề môi trường xuyên biên giới; **(đ)** khả năng làm chủ công nghệ còn thấp; **(e)** việc trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon còn mới, gây khó khăn trong xây dựng, hoàn thiện các quy định trong nước.

Bên cạnh đó, nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu, cụ thể: **(a)** nhận thức và ý thức trách nhiệm về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường để phát triển bền vững của một số cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp và người dân còn chưa đầy đủ, có lúc, có nơi còn tư tưởng ưu tiên tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư mà xem nhẹ bảo vệ môi trường, một số doanh nghiệp coi bảo vệ môi trường là chi phí phát sinh; việc xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương chưa được quan tâm, chú trọng; **(b)** một số quy định chưa đồng bộ giữa Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và một số luật khác có liên quan; việc ban hành, triển khai các chính sách mới về phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt chưa kịp thời; một số định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá chưa tạo động lực đủ mạnh thúc đẩy xã hội hóa đầu tư cho bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, trong khi việc bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước chưa được quan tâm đúng mức, chưa tương xứng với nguồn thu từ thuế, phí bảo vệ môi trường; nguyên tắc “người gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý” chưa được áp dụng triệt để; một số tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật về tái sử dụng nước thải, chất thải rắn công nghiệp chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế tuần hoàn, sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ; việc thực hiện cơ chế trách nhiệm mở rộng của

nhà sản xuất, nhập khẩu trong tái chế, xử lý chất thải còn gặp khó khăn do thiếu hạ tầng thu gom, tái chế đồng bộ; lộ trình thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch còn chậm; **(c)** chậm hình thành thị trường công nghệ môi trường, ngành công nghiệp môi trường; chậm đổi mới, thay thế công nghệ sản xuất lạc hậu; **(d)** công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật chưa được quan tâm triển khai đúng mức, thiếu đổi mới, đa dạng hóa; **(đ)** việc phân công, phân cấp và phối hợp giữa các cơ quan có lúc, có nơi chưa chặt chẽ và hiệu quả; năng lực, hạ tầng còn hạn chế, đội ngũ công chức, viên chức làm công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu ở cơ sở chưa bảo đảm tính chuyên nghiệp, hiện đại; **(e)** công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm chưa đáp ứng yêu cầu, chế tài xử lý đối với một số hành vi gây ô nhiễm môi trường còn thấp, chưa đủ tính răn đe; **(g)** sự tham gia của cộng đồng dân cư, người dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các bên liên quan trong hoạt động bảo vệ môi trường còn chưa đủ mạnh mẽ và sâu rộng.

4. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường thời gian qua là do chủ trương, đường lối đúng đắn và sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là Đồng chí Tổng Bí thư; việc ban hành kịp thời, tương đối đầy đủ chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là các luật, nghị quyết do Quốc hội ban hành; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả theo thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự chủ động vào cuộc, phối hợp kịp thời của các Bộ, ngành, địa phương và sự tham gia, nỗ lực của toàn dân, doanh nghiệp, các lực lượng, các nhà khoa học trong công tác bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế, bất cập trong hướng dẫn và thực hiện Luật Bảo vệ môi trường như đã nêu trên. Một số Bộ, ngành, địa phương còn chậm hoặc chưa ban hành đầy đủ một số quy định; chưa bố trí thỏa đáng nguồn lực cho việc xử lý các vấn đề môi trường thuộc phạm vi quản lý, nhất là trong đầu tư hạ tầng thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, làng nghề, cụm công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt. Trong một số trường hợp, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ và các cấp chính quyền địa phương có trách nhiệm trong chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện còn thiếu kiên quyết, chưa xử lý triệt để các vấn đề môi trường và giải quyết các vướng mắc phát sinh. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp có phân trách nhiệm trong giám sát, kiến nghị, chưa giám sát thường xuyên và chưa giám sát đến cùng việc thực hiện các kiến nghị trong công tác bảo vệ môi trường.

Điều 2. Nhiệm vụ, giải pháp

Để phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, bất cập, thích ứng kịp thời với bối cảnh trong giai đoạn mới, Quốc hội yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, nghiên cứu, thực hiện các kiến nghị của Đoàn giám sát tại Báo cáo số 756/BC-ĐGS ngày 26 tháng 10 năm 2025 và tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

1. Nhiệm vụ, giải pháp đột phá

a) Đổi mới tư duy và hoàn thiện thể chế, chính sách về bảo vệ môi trường và tổ chức thực thi quyết liệt, hiệu lực, hiệu quả

Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm xuyên suốt trong tư duy, tầm nhìn và định hướng phát triển bền vững đất nước; thống nhất trong nhận thức và hành động coi chi cho môi trường là đầu tư cho phát triển, bảo đảm an ninh môi trường; loại bỏ quan điểm “Bảo vệ môi trường sẽ làm cản trở tăng trưởng kinh tế”; tiếp tục hoàn thiện nhóm chỉ tiêu về môi trường, trong đó chú trọng cơ chế giao chỉ tiêu thực hiện cụ thể cho các địa phương gắn với cơ chế đánh giá trách nhiệm hoàn thành của người đứng đầu; bổ sung chỉ tiêu về tăng trưởng các-bon thấp vào hệ thống chỉ tiêu phát triển quốc gia và trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

Thể chế hóa kịp thời các quan điểm, chủ trương của Đảng và tổng kết, đánh giá, đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường phù hợp với yêu cầu thực tế (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, coi chất thải là tài nguyên và được quản lý trên môi trường số; thực hiện chuyển đổi xanh thông qua các cơ chế, chính sách khuyến khích nghiên cứu, phát triển công nghệ thân thiện với môi trường, công nghiệp môi trường, dịch vụ môi trường, mua sắm xanh, năng lượng tái tạo; chủ động xây dựng thể chế để thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Kinh tế hóa môi trường, trong đó thiết lập cơ chế định giá tài nguyên, chi trả dịch vụ hệ sinh thái và nâng cao hiệu quả của công cụ thuế môi trường, phí môi trường, hạn ngạch phát thải; áp dụng triệt để nguyên tắc “*Người được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; người gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý*”.

Tiếp tục đẩy mạnh phương thức quản lý nhà nước từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn để quản lý và tăng cường kiểm tra, giám sát; cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính; phân cấp, phân quyền mạnh cho chính quyền địa phương theo nguyên tắc “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”.

b) Tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho bảo vệ môi trường

Chú trọng đầu tư phát triển các công trình bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Ưu tiên nguồn lực từ ngân sách và nguồn lực xã hội hóa cho bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng môi trường thiết yếu như: hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị; hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải phù hợp cho từng loại rác, các nhà máy tái chế, xử lý rác thải hữu cơ, chất thải nguy hại; cải thiện và phục hồi môi trường các lưu vực sông; thích ứng với biến đổi khí hậu; hỗ trợ hoạt động chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, vận hành thị trường các-bon; phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, công nghệ

mới không phát thải, công nghệ lưu trữ năng lượng, thu giữ và sử dụng các-bon thông qua các cơ chế tài chính linh hoạt (như đầu tư công hoặc hợp tác công tư...); có cơ chế, chính sách đặc thù trong việc đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Bộ trí đúng, đủ, quản lý có hiệu quả và tăng dần chi ngân sách cho bảo vệ môi trường tương ứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, bảo đảm từ năm 2027 tỷ trọng ngân sách chi cho bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách nhà nước tăng hơn so với năm 2025; phân cấp hợp lý cho chính quyền địa phương quyết định phân bổ nguồn lực cho bảo vệ môi trường.

Hoàn thiện và triển khai hiệu quả các công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường; phát huy vai trò của các quỹ bảo vệ môi trường, huy động nguồn lực tư nhân thông qua các công cụ tài chính xanh như trái phiếu xanh, tín dụng xanh... để triển khai các dự án đầu tư xanh, dự án bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính; chú trọng đổi mới hình thức, phương thức ưu đãi, hỗ trợ, cơ chế bảo lãnh rủi ro cho các dự án đầu tư xanh, dự án bảo vệ môi trường và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị phù hợp với nhu cầu thực tế của từng địa phương.

Đa dạng hóa nguồn cung tín chỉ các-bon trong và ngoài nước, trong đó ưu tiên cho phát triển thị trường trong nước. Khuyến khích phát triển các dự án tạo tín chỉ các-bon trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, lâm nghiệp, nông nghiệp các-bon thấp, xử lý chất thải, công nghiệp xanh, giao thông xanh, các công nghệ thu hồi, lưu giữ các-bon. Thúc đẩy đầu tư theo phương thức đối tác công tư, phát triển các mô hình hợp tác đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tích cực, chủ động tham gia đàm phán, ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế, tranh thủ sự hỗ trợ về tri thức, tài chính, kỹ thuật của quốc tế phù hợp với lợi ích quốc gia và tăng cường hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Khuyến khích các phong trào tự nguyện, mô hình điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư; thực hiện cơ chế huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư, người dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các bên liên quan thực hiện công tác bảo vệ môi trường, bảo đảm đơn giản, hiệu quả, thiết thực và có tính lan tỏa cao; hình thành thói quen, văn hóa môi trường trong xã hội.

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó ưu tiên vào một số lĩnh vực then chốt như: công nghệ tái chế, xử lý chất thải, kinh tế tuần hoàn; ứng dụng chuyển đổi số trong bảo vệ môi trường; quản lý và vận hành thị trường các-bon trong nước, kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính, triển khai giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu; phòng ngừa, giảm thiểu tác động môi trường, ô nhiễm môi trường, quan trắc và cảnh báo môi trường. Đẩy mạnh liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp nhằm hình thành hệ sinh thái đào tạo - nghiên cứu - ứng dụng trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện các giải pháp, cơ chế đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao tham gia công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là trong quản lý chất thải, kiểm soát nguồn thải, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình không phụ thuộc vào địa giới hành chính và cấp phép điện tử. Trước mắt, tập trung xây dựng nền tảng dữ liệu và hạ tầng số thống nhất, liên thông từ trung ương đến địa phương; thúc đẩy ứng dụng, tích hợp công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong cung cấp thông tin, tương tác trực tuyến về môi trường; xây dựng bộ công cụ, hướng dẫn kỹ thuật dạng số về kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải.

Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ chiến lược trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, tập trung vào: giám sát, đánh giá, phân tích và cảnh báo môi trường; tái chế, xử lý chất thải; cải tạo, phục hồi môi trường và bảo tồn hệ sinh thái; phát triển năng lượng sạch, giảm phát thải các-bon. Phát triển mạnh thị trường hàng hóa công nghiệp môi trường, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa công nghiệp môi trường sản xuất trong nước.

Xây dựng sản giao dịch các-bon trong nước; vận hành Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon, thiết lập hệ thống báo cáo kiểm kê khí nhà kính trực tuyến phục vụ doanh nghiệp.

Xây dựng và nhân rộng các giải pháp, mô hình thành phố, đô thị sinh thái thông minh, giao thông thông minh và quản lý năng lượng thông minh.

Xây dựng và thực hiện các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển các chuyên ngành khoa học mũi nhọn trong tái chế chất thải, sản xuất vật liệu thân thiện với môi trường. Nguồn lực ngân sách nhà nước phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được tổng hợp khi tính tỷ lệ % tổng chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm.

Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào Việt Nam, thông qua đó thúc đẩy các hoạt động chuyển giao công nghệ, tiếp nhận và làm chủ công nghệ lõi, công nghệ nguồn về bảo vệ môi trường, chuyển đổi xanh.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, hoàn thành đến hết năm 2026

a) Tổng kết, đánh giá việc thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trình Quốc hội xem xét, thông qua đầu nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI. Trong năm 2025, xem xét sửa đổi ngay một số điều của Luật để góp phần khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời sửa đổi quy định về lộ trình, thời gian áp dụng đối với chính sách về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, cá nhân cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Trong năm 2026, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật có liên quan đến thuế, phí bảo vệ môi trường. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật có liên quan trong các năm tiếp theo, bảo đảm thực hiện hiệu quả mục tiêu chính sách về bảo vệ môi trường.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn thực hiện đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính của các ngành, lĩnh vực đối với các cơ sở, doanh nghiệp; rà soát, cập nhật kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính cho từng ngành, lĩnh vực phù hợp với Đóng góp do quốc gia tự quyết định giai đoạn 2026 - 2035.

b) Tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật, điều chỉnh trong trường hợp cần thiết các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có liên quan đến bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu để đáp ứng yêu cầu “mở rộng và kiến tạo không gian phát triển mới”, trong đó chú trọng việc đánh giá, dự báo các tác động của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, thiên tai, đặc biệt tại các địa bàn nhạy cảm như tại một số đô thị lớn (các thành phố: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng...), đồng bằng sông Cửu Long, vùng ven biển; tăng trưởng kinh tế 2 con số trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc xuyên suốt không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế đơn thuần, tôn trọng quy luật tự nhiên.

c) Ban hành và triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời thực hiện ngay các biện pháp cấp bách kiểm soát, ngăn chặn và khắc phục, cải thiện tình trạng ô nhiễm không khí tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn thành việc đánh giá khả năng chịu tải và công bố kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt một số lưu vực sông liên tỉnh có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện chất lượng môi trường một số đoạn sông bị ô nhiễm nghiêm trọng trên các sông: Ngũ Huyện Khê, Tô Lịch, hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải.

d) Khẩn trương hoàn thành và đưa vào vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia, bảo đảm tích hợp, kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia và chia sẻ theo thời gian thực; tích hợp với hệ thống thông tin địa lý để xây dựng bản đồ chất lượng môi trường, công bố, công khai cho cộng đồng và triển khai áp dụng cho một số đô thị lớn (thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh...).

đ) Thiết lập và vận hành sàn giao dịch các-bon trong nước; hoàn thiện các quy định pháp lý về trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon với quốc tế, làm cơ sở triển khai hợp tác trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon với các đối tác quốc tế; quy định tỷ lệ kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, lượng tín chỉ các-bon tối thiểu được giữ lại để thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định khi trao đổi, chuyển giao ra quốc tế phù hợp với từng giai đoạn và tình hình thực tế trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia.

3. Nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2030 và các năm tiếp theo

a) Phòng ngừa, kiểm soát và ngăn chặn từ sớm, từ xa các nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường; dự báo sớm tác động của biến đổi khí hậu

Nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm về môi trường và tác động của biến đổi khí hậu nhằm chủ động phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường, hạn chế tác động xấu đối với môi trường và sức khỏe con người; kiểm soát lượng phát thải khí nhà kính, cung cấp dữ liệu kịp thời cho công tác hoạch định chính sách.

Kiểm soát chặt chẽ các yêu cầu về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các dự án đầu tư từ khâu phê duyệt dự án thông qua hoạt động thẩm định đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường; nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định, đánh giá công nghệ sản xuất để kiểm soát, ngăn chặn hiệu quả việc nhập khẩu công nghệ cũ, lạc hậu, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường vào Việt Nam; nâng cao chất lượng thực hiện giám sát chặt chẽ, phòng ngừa đối với các cơ sở thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường cao; đánh giá, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của các cơ sở năng lượng nguyên tử, cơ sở hạt nhân.

Chủ động di dời các cơ sở sản xuất trong cụm công nghiệp, làng nghề gây ô nhiễm, đặc biệt là tại các cụm công nghiệp, làng nghề xen lẫn với khu dân cư tới địa điểm có quy hoạch phù hợp.

Thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính của các ngành, lĩnh vực theo Đóng góp do quốc gia tự quyết định; rà soát, đề xuất các cam kết đóng góp về giảm phát thải khí nhà kính của các ngành, lĩnh vực trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định cho giai đoạn sau năm 2035. Xây dựng hệ thống báo cáo kiểm kê khí nhà kính trực tuyến để phục vụ tổng hợp, phân tích và báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính kịp thời và hiệu quả. Hoàn thiện hệ thống báo cáo giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trực tuyến.

b) Khắc phục, cải thiện chất lượng môi trường có trọng tâm, trọng điểm

Đẩy mạnh điều tra, đánh giá, phân loại, lập và thực hiện kế hoạch cải tạo, phục hồi khu vực đất bị ô nhiễm nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, tập trung vào các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh, khu vực đất bị ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu, ô nhiễm chất độc hóa học, hóa chất tồn lưu do chiến tranh để lại. Xử lý dứt điểm các cơ sở, làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Triển khai hiệu quả kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với lưu vực sông liên tỉnh, có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội; tập trung khắc phục, cải thiện chất lượng môi trường các đoạn sông bị ô nhiễm (các lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy, sông Đồng Nai, sông Vu Gia - Thu Bồn và một số sông tại các đô thị lớn), tạo sự chuyển biến rõ rệt, có kết quả rõ ràng trong cải thiện chất lượng môi trường nước các lưu vực sông. Tăng cường thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị, phấn đấu đến năm 2030, bảo đảm

tỷ lệ nước thải sinh hoạt tại các đô thị đặc biệt và đô thị loại I được thu gom, xử lý đạt khoảng 70%.

Kiểm soát chặt chẽ khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; hạn chế phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường không khí tại các đô thị lớn theo phân vùng môi trường; thực hiện lộ trình chuyển đổi xanh phù hợp trong hoạt động giao thông vận tải gắn với đầu tư hạ tầng và các cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội; có biện pháp loại bỏ phương tiện cơ giới không đủ tiêu chuẩn lưu hành gây ô nhiễm môi trường. Quản lý chặt chẽ chất thải phát sinh từ hoạt động giao thông, xây dựng, đặc biệt tại các đô thị và hoạt động đốt phụ phẩm nông nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, tại thành phố Hà Nội, nồng độ bụi PM2.5 trung bình năm giảm khoảng 20% so với mức trung bình năm 2024, các thông số chất lượng không khí khác được duy trì, bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; tại các tỉnh, thành phố xung quanh khu vực thành phố Hà Nội (bao gồm: Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Ninh Bình), nồng độ bụi PM2.5 trung bình năm giảm tối thiểu 10% so với mức trung bình năm 2024; tại Thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị khác trên toàn quốc, chất lượng không khí được duy trì kiểm soát, không để gia tăng mức độ ô nhiễm.

c) Tăng cường hiệu quả quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

Thực hiện các biện pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, giảm phát sinh chất thải; thực hiện nghiêm quy định về thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, cá nhân phù hợp với điều kiện, hạ tầng kỹ thuật của từng địa phương; đẩy mạnh thu hồi chất thải có khả năng tái chế. Chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tiên tiến, thân thiện với môi trường, ưu tiên tái chế, xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng thay cho chôn lấp. Tập trung cải tạo, nâng cấp và xử lý ô nhiễm môi trường tại các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh, các khu vực bị ô nhiễm do chất thải gây ra. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 95%, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt 85%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng hình thức chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom giảm dưới 50%; giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa thông qua việc thu hồi trên 30% chất thải nhựa phát sinh thải ra môi trường.

Quy hoạch địa điểm lưu giữ, xử lý, chôn cất tập trung chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng. Quản lý chặt chẽ, tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp, đặc biệt là chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát; chủ động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ tái chế, xử lý pin, ắc quy xe điện, pin mặt trời và các loại chất thải phát sinh từ hoạt động chuyển đổi xanh; hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật để đẩy mạnh hoạt động tái sử dụng nước thải, tái chế, xử lý tro, xỉ, thạch cao, góp phần thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

Đẩy mạnh mô hình xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình tập trung hoặc theo cụm đối với chất thải y tế lây nhiễm; hạch toán và tính đúng, tính đủ các chi phí quản lý chất thải y tế vào chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu trong thu hồi, tái chế sản phẩm, bao bì thải bỏ; có cơ chế thúc đẩy hình thành các tổ chức trung gian tham gia việc thu gom, tái chế; xây dựng và nhân rộng các mô hình đặt cọc hoàn trả đối với sản phẩm, bao bì thải bỏ, đặc biệt tập trung đối với các loại chất thải nguy hại như pin, ắc quy thải, bao bì hóa chất bảo vệ thực vật, thuốc thú y...

Phát triển mạnh ngành công nghiệp tái chế, khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm từ quá trình xử lý chất thải rắn để góp phần thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường. Thúc đẩy các mô hình hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, liên minh tái chế, các mô hình liên kết vùng, liên kết đô thị với nông thôn và các mô hình khác nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn.

Phát triển và nhân rộng mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh và nông nghiệp hữu cơ; chuyển đổi cách tiếp cận từ nông nghiệp nâu sang nông nghiệp xanh; thúc đẩy ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong chăn nuôi và xử lý chất thải. Rà soát các quy hoạch nuôi trồng thủy sản để bảo đảm gắn nuôi trồng, chế biến thủy sản với mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển du lịch ven biển.

d) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác ứng phó với biến đổi khí hậu

Nghiên cứu đề xuất và xây dựng Luật Biến đổi khí hậu nhằm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng về thích ứng với biến đổi khí hậu, trung hòa các-bon, bảo vệ tầng ô-dôn; tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất về thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải và tăng cường hấp thụ khí nhà kính trong các lĩnh vực của nền kinh tế, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia.

Rà soát, điều chỉnh các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hạ tầng theo hướng đa mục tiêu, tích hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu trong các ngành kinh tế, đặc biệt là trong các lĩnh vực giao thông vận tải, điện lực và viễn thông.

Thực hiện phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở phát thải khí nhà kính theo lĩnh vực quản lý; tổ chức vận hành thị trường các-bon trong nước đồng thời với việc triển khai thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon.

đ) Nâng cao hiệu quả tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Nâng cao vai trò của hoạt động kiểm toán môi trường nhằm phát hiện, cảnh báo kịp thời các hành vi vi phạm có tác động xấu đối với môi trường, góp phần phát triển bền vững. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường, tập trung đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề; nâng cao chế tài xử lý, bảo đảm tính răn đe, ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; tập trung xử lý dứt điểm các vụ khiếu kiện đông người, phức tạp về môi trường ngay từ cơ sở. Chú trọng thực hiện quyền khởi kiện vụ án dân sự nhằm yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường khi xảy ra sự cố gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.

e) Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải; thực hiện công khai thông tin về môi trường nhằm tạo điều kiện cho cộng đồng, người dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường; huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, tổ chức xã hội vào công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, tài liệu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thay đổi hành vi, thói quen, lối sống và chủ động tham gia có trách nhiệm và thân thiện với môi trường; lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào các chương trình giáo dục môi trường bảo đảm thiết thực, trực quan trong các cấp học và hoạt động ngoại khóa để nâng cao nhận thức cho các thế hệ trẻ từ cấp mầm non trở lên.

Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, cộng đồng dân cư trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý các vi phạm về môi trường. Phát hiện và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; gắn tiêu chí môi trường với các phong trào toàn dân bảo vệ môi trường.

g) Tăng cường nguồn lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Nâng cao hiệu quả phân công, phối hợp giữa các Bộ, ngành, cơ quan ở trung ương và địa phương trong công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn, bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì xuyên suốt, tránh bỏ sót chức năng, nhiệm vụ và thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan nhà nước cùng cấp trong công tác quản lý môi trường.

Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp gắn với đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các lực lượng khác làm việc trong lĩnh vực môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã và các điều kiện bảo đảm đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong giai đoạn hiện nay.

Hình thành, kiện toàn bộ phận tham mưu, bố trí cán bộ chuyên trách về bảo vệ môi trường tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ trong các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước và khuyến khích đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Xây dựng và triển khai các chương trình tín dụng xanh, ưu tiên đầu tư cho các dự án ứng dụng công nghệ giảm phát thải khí nhà kính, kinh tế tuần hoàn, năng lượng tái tạo và xử lý ô nhiễm môi trường; hỗ trợ các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp nâng cao năng lực thẩm định, đánh giá rủi ro và hiệu quả môi trường của các dự án, chương trình đầu tư theo tiêu chí xanh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chỉ đạo tổ chức thực hiện, báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Nghị quyết này tại cùng kỳ họp với báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm; ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết, trong đó xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, lộ trình, tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ và bảo đảm kinh phí thực hiện; trước mắt, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đột phá và các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách, hoàn thành đến hết năm 2026.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra và báo cáo việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức thực hiện, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025✓

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Trần Thanh Mẫn

PHỤ LỤC**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BAN HÀNH MỚI TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường)

TT	Tên văn bản sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới	Thời hạn thực hiện	
		2025-2026	2026-2031
1	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	X	
2	Luật Biến đổi khí hậu và các văn bản quy định chi tiết thi hành.		X
3	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh về cảnh sát môi trường.	X	
4	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.	X	
5	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cập nhật, điều chỉnh danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.		X
6	Sửa đổi, bổ sung các nghị định, thông tư quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường (liên quan đến các nghị định, thông tư như: Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025; Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 08/2025/TT-BNNMT ngày 17 tháng 6 năm 2025, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025...)	X	
7	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái sử dụng nước thải làm nước tưới cây.	X	
8	Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt	X	